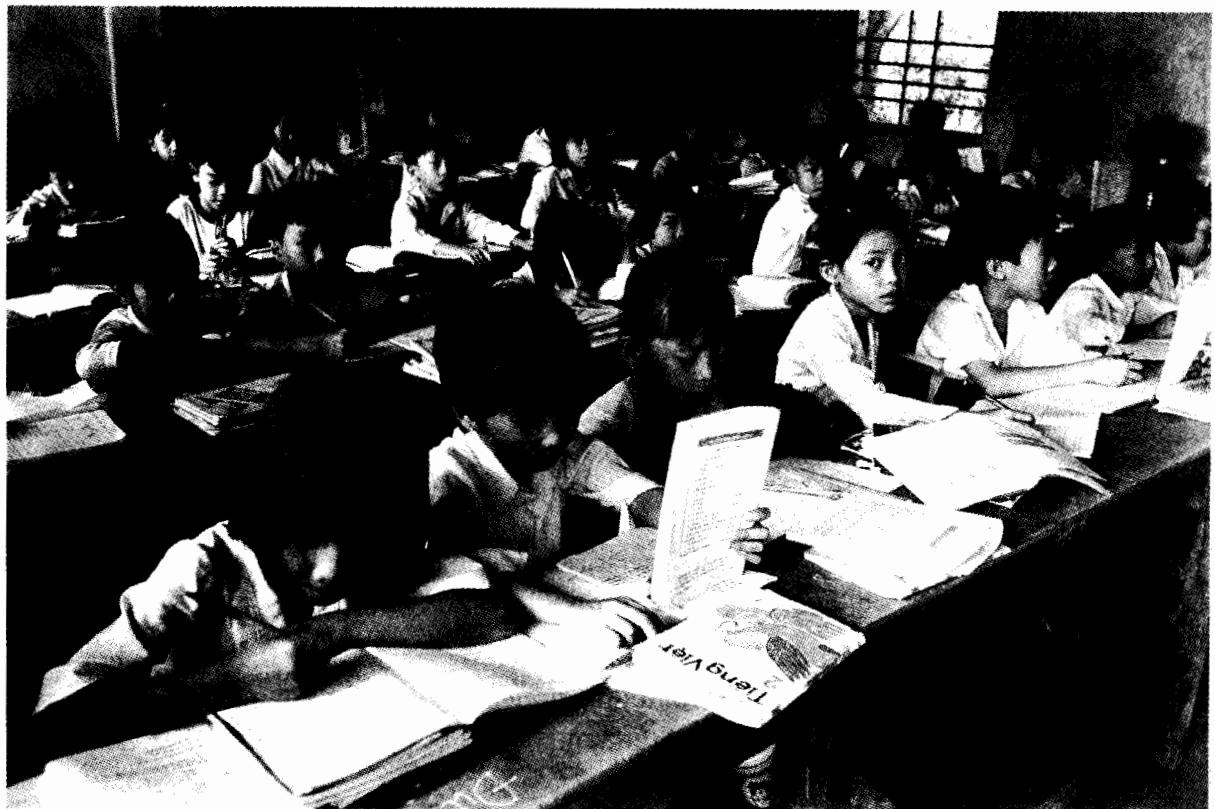


# **Dạy thêm, học thêm và tác động đến kết quả học tập của trẻ 8 tuổi**

ThS. Trần Thu Hà\*



Trẻ em trong lớp học tại Bến Tre Ảnh: TL

## **1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Giáo dục là phần không thể thiếu được trong chiến lược phát triển quốc gia. Chiến lược lớn nhất trong xoá đói giảm nghèo đang được triển khai tại Việt Nam, là sự kết hợp giữa giáo dục hiệu quả và các chính sách kinh tế lành mạnh (Chính phủ Vietnam, 2003). Từ năm 1986, đổi mới đã mang lại nhiều thay đổi đáng kể trong hệ thống giáo dục. Theo điều tra mức sống hộ gia đình 2002, tỷ lệ nhập học cấp tiểu học tăng từ 87% trong năm 1993 lên 91% năm 2002 (World Bank, 2003). Tuy nhiên, phần lớn học sinh tiểu học chỉ được học bằng một nửa thời gian học hàng ngày so với tiêu chuẩn quốc tế (WB and ADB, 2002). Trong chiến lược phát triển tổng thể mới nhất giai đoạn 2003-2015, Chính phủ huy động sự

\* Nghiên cứu viên, Trung tâm Nghiên Cứu và Đào Tạo Phát Triển Cộng Đồng (RTCCD); E-mail: hatran@rtccd.org.vn

\* Bài viết sử dụng số liệu từ báo cáo chuyên đề của dự án Young Lives (Trần Thu Hà, Trần Tuấn, Trudy Harpham et al ( 2004). Extra classes and 8 years old child learning outcomes in Vietnam; SCUK London).

tham gia của mọi tầng lớp dân chúng cho mục tiêu giáo dục cho mọi người. Giáo dục tiểu học trên toàn quốc theo chính sách mới sẽ nhận được sự trợ cấp của nhà nước do đó cha mẹ không phải đóng học phí cho con và tiến tới phổ cập giáo dục tiểu học cả ngày vào năm 2015 (Chính phủ Việt Nam, 2003). Tuy nhiên, bên cạnh việc mở ra nhiều dịch vụ giáo dục tư thục và dân lập theo chính sách đổi mới, sự phong phú và mức độ thu hút của các lớp học thêm đã và đang trở thành vấn đề xã hội quan tâm.

#### Hộp 1: Phân loại các hình thức học thêm tại Việt Nam

**Chính thức:** Lớp học thêm được tổ chức cho những học sinh yếu kém (điểm trung bình dưới 5) để theo kịp chương trình học và cho học sinh giỏi (điểm trung bình trên 8) nhằm bồi dưỡng nhân tài. Những lớp này do nhà trường tổ chức và phân loại lớp học tuỳ theo trình độ của các đối tượng. Ngoài ra còn có các lớp học năng khiếu về các lĩnh vực thể thao và nghệ thuật.

**Không chính thức:** Lớp học thêm tổ chức tại nhà giáo viên hoặc ở bất kỳ nơi nào khác ngoài phạm vi quản lý của nhà trường, do giáo viên tạo ra nhu cầu giả bằng cách cất xén giờ học và khống lường kiến thức trên lớp hoặc phân biệt đối xử đối với học sinh không đi học thêm.

Bài viết này đưa ra kết quả nghiên cứu giai đoạn 1 (2002-2004) của dự án nghiên cứu “Những cuộc đời trẻ thơ” (Young Lives), dựa trên số liệu thu được qua cuộc điều tra định lượng phỏng vấn 1000 trẻ 8 tuổi và người chăm sóc chính (chủ yếu là mẹ) của các trẻ đó tại 5 tỉnh Lào Cai, Hưng Yên, Đà Nẵng, Phú Yên và Bến Tre.

Nội dung của bài viết này đề cập đến (1) đặc điểm của các lớp học thêm: tỷ lệ học thêm ở cấp tiểu học, hình thức các lớp học, đối tượng khuyến trẻ đi học, thời gian và chi phí dành cho học thêm; và (2) tác động của học thêm lên kết quả học tập của trẻ 8 tuổi.

## 2. KẾT QUẢ

### 2.1 Đặc điểm các lớp học thêm

Tỷ lệ học thêm tại thành thị là 58%, nông thôn 56% và miền núi 7%. Tính trung bình, cứ 2 trẻ thì có 1 trẻ đi học thêm. Trong đó tỷ lệ học thêm ở nhóm trẻ dân tộc Kinh (50%) gấp 15 lần so với nhóm trẻ dân tộc thiểu số (3,4%).

Toán và tiếng Việt là hình thức học thêm phổ biến nhất, chiếm 80%. Tỷ lệ trẻ tham gia học thêm các môn cơ bản giống hệt như chương trình chính khoá ở trường chiếm 20% và học thêm các môn năng khiếu chiếm 7%. Có đến 10% trẻ tham gia cả hai loại hình học thêm cùng một lúc (ví dụ: học Toán và Tiếng Việt và các môn năng khiếu, hoặc học tất cả các môn và môn năng khiếu).

**Bảng 1:** Tỷ lệ học thêm và loại hình các lớp học thêm của trẻ 8 tuổi

Chỉ số	Vùng			
	Miền núi	Nông thôn	Thành thị	Giá trị p
<b>Tỷ lệ học thêm</b>				
Tham gia học thêm	7%	56%	58%	p<0,001
Học thêm ở trẻ dân tộc Kinh		50% (chung)		p<0,001
Học thêm ở trẻ dân tộc thiểu số		3,4% (chung)		p<0,001
<b>Loại hình học thêm</b>				
Cơ bản giống như chính khoá	8%	19%	23%	p>0,05
Học Toán và Tiếng Việt	85%	84%	73%	p>0,05
Học các môn năng khiếu	0%	4%	12%	p<0,001
Học thêm các loại hình khác	7%	3%	1%	p<0,05
Học thêm 2 loại hình	0%	10%	10%	p>0,05

Cha mẹ và người thân trong gia đình là người đề nghị trẻ đi học thêm nhiều nhất (trên 60%), tiếp đến là giáo viên (18% đối với môn năng khiếu, 24% tất cả các môn và 27% môn Toán và Tiếng Việt). Chỉ có 7% trẻ tự đề xuất được đi học thêm tất cả các môn giống như chính khoá và 9% đề xuất được đi học thêm Văn và Tiếng Việt (bảng 2).

**Bảng 2:** Loại hình học thêm

Loại hình môn học thêm	Đối tượng khuyên trẻ học thêm		
	Cha mẹ	Giáo viên	Bản thân trẻ
Cơ bản giống như chính khoá	69 %	24 %	7 %
Toán và Tiếng Việt	64 %	27 %	9 %
Môn năng khiếu	62 %	18 %	21 %

Trung bình trẻ học thêm khoảng 9 giờ/tuần. Số giờ dành cho học thêm ở trẻ miền núi là 7,8 giờ, nông thôn 8,9 giờ và thành phố 9,5 giờ. Cứ 13 trẻ học thêm ở miền núi thì 2 trẻ là dân tộc thiểu số. Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, học sinh tiểu học không được phép học thêm nhiều hơn 2 buổi/tuần, tương đương với 4 giờ/tuần. Nghiên cứu này chỉ ra cho thấy, 90% trẻ học thêm nhiều hơn số giờ quy định, trong đó 58% học nhiều hơn 8 giờ/tuần, gấp 2 lần so với quy định của Chính phủ (Bảng 3).

**Bảng 3:** Số giờ trẻ dành cho học thêm mỗi tuần

Chỉ số	Vùng			% Ước tính cho quần thể	Giá trị p
	Miền núi	Nông thôn	Thành thị		
Số giờ học thêm trung bình (giờ)	7,8	8,9	9,5	9,1	p>0,05
% học thêm <= 4 giờ/tuần	46	11	4	10	p<0,001
% học thêm 4-8 giờ/tuần	15	32	34	32	p<0,001
% học thêm > 8 giờ/tuần	38	57	62	58	p<0,001

Về tổng thể cha mẹ học sinh cấp tiểu học trong nghiên cứu này phải chi phí gần 200,000 đồng cho học thêm của con em họ trong một năm, mức chi này chiếm 30,7% tổng mức chi cho giáo dục (bao gồm chi phí học phí, đồng phục, sách vở, dụng cụ học tập và học thêm). Ở miền núi mức chi này là 96,600 đồng, chiếm 29% tổng chi phí cho giáo dục, ở nông thôn 60,200 đồng, chiếm 23% và ở thành phố 425,050 đồng, chiếm 44% (Bảng 4),

**Bảng 4:** Tổng chi phí cha mẹ trả cho giáo dục và học thêm của trẻ năm 2002

Chỉ số	Vùng			Ước tính cho quần thể
	Miền núi	Nông thôn	Thành thị	
Tổng chi cho giáo dục (đồng)	180,600 đ	236,700 đ	780,000 đ	376,800 đ
Chi cho học thêm (đồng)	96,600 đ	60,200 đ	425,500 đ	191,700 đ
Chi phí học thêm so với tổng thể (%)	29%	23%	44%	30,7%

## 2.2 Tác động của học thêm lên kết quả học tập trẻ 8 tuổi

Kết quả học tập của trẻ 8 tuổi được đo lường qua 3 chỉ số: đọc, viết và tính toán. Phương pháp đánh giá được nhóm chuyên gia quốc tế về giáo dục đưa ra, đánh giá theo mức độ trẻ 8 tuổi của tất cả các nơi trên thế giới phải đạt được. Kết quả điều tra được thể hiện ở các mức độ khác nhau. Ví dụ, khả năng viết được ghi nhận qua: không viết được, viết được chữ không viết được cả câu, viết được cả câu nhưng lỗi nhiều, viết được cả câu hoàn chỉnh. Tương tự với khả năng đọc và tính toán. Nghiên cứu này cho thấy tỷ lệ trẻ có thể đọc, viết và tính toán đúng là 89%, 75% và 87%. Câu hỏi đặt ra là học thêm có giúp trẻ tiểu học đọc, viết và tính toán tốt hơn không?

Kết quả phân tích tác động đa biến cho thấy, học thêm không có tác động đáng kể đến khả năng viết và tính toán của trẻ 8 tuổi, khi tất cả các yếu tố khác được xét tương đồng (trẻ sống cùng khu vực, mức kinh tế gia đình như nhau, trình độ giáo dục của cha tương đồng, trình độ giáo dục của mẹ giống nhau, số người sống trong hộ gia đình bằng nhau, trẻ có cùng thành phần dân tộc và tình trạng sức khoẻ tâm trí như nhau). Nói cách khác, không có sự khác biệt về khả năng viết và tính toán giữa trẻ có đi học thêm trẻ không đi học thêm. Tuy nhiên đi học thêm, có thể đọc tốt gấp 2 lần so với trẻ không đi học thêm.

Vậy những yếu tố nào có tác động tích cực đến kết quả học tập của trẻ? Sức khoẻ tâm trí

của trẻ và kinh tế hộ gia đình là hai yếu tố đáng kể nhất, Trẻ bị rối nhiễu tâm trí có tỷ lệ đọc viết và tính toán đúng thấp 42% - 58%, so với trẻ có tâm trí bình thường. Trẻ xuất thân từ gia đình có kinh tế khá giả, có khả năng đọc và tính toán đúng cao hơn so với trẻ thuộc các nhóm gia đình khác. Về thành phần dân tộc, trẻ em người Kinh có khả năng đọc tốt gấp 3 lần so với trẻ em người dân tộc thiểu số. Điều này có thể giải thích do phần lớn các giáo trình tại trường hiện đang sử dụng Tiếng Việt và trong nghiên cứu này trẻ được yêu cầu đọc Tiếng Việt. Nghiên cứu không tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa thành phần dân tộc của trẻ và khả năng viết, tính toán. Về vùng sinh sống, trẻ em sống ở vùng thành thị có khả năng tính toán tốt gấp 2 lần so với trẻ các vùng miền núi và nông thôn, tuy nhiên không có sự khác biệt đáng kể giữa vùng sinh sống với khả năng đọc và viết.

### 3. THẢO LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Tuy Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 242-TTg ngày 24-5-1993 về việc quản lý tình trạng dạy thêm ngoài giờ của giáo viên các trường phổ thông công lập (Chinh phu Vietnam, 1993) và tiếp theo đó là một loạt các thông tư dưới luật và Hướng dẫn số 16/TT-LB/1993, số 17/GD-DT/1995 và số 15/CT-BGD&DT/2000, vẫn tồn tại tỷ lệ lớn trẻ 8 tuổi hiện đang tham gia các lớp học thêm. Đây là vấn đề rất đáng lo ngại, mặc dù nhằm đáp ứng nguyện vọng của cha mẹ học sinh. Điều này cho thấy gia đình và xã hội nói chung vẫn đang tự điều chỉnh việc học tập của con cái, để khắc phục những yếu kém của hệ thống giáo dục Việt Nam. Vậy đâu là những tồn tại của hệ thống giáo dục Việt Nam? Chúng ta vẫn chưa có được hệ thống đánh giá chất lượng học sinh rõ ràng, đã được chuẩn hóa căn cứ theo tuổi và mục tiêu của ngành giáo dục. Do vậy, cơ chế đã tạo ra những nhu cầu “học giả”, thúc ép học sinh phải học thêm để “theo kịp” bạn bè dưới áp lực của cha mẹ và thầy cô giáo. Tuy nhiên cũng không thể loại trừ khả năng học thêm là một vấn đề mang tính chất phong trào bởi có tới 60% trẻ học thêm do gia đình đề xuất. Tức là cứ 3 trẻ có 2 trẻ học thêm do yếu tố bên ngoài, còn 1 trẻ thuộc về yếu tố có thể dùng cơ chế giải quyết. Nếu chúng ta áp cơ chế vào hệ thống nhà trường, thầy cô giáo nhưng bên ngoài vẫn có nhu cầu học thêm, nhu cầu đó sẽ được đáp ứng, nhất là lại có thêm yếu tố kinh tế ở trong đó (Tuan, 2004).

Do vậy, nhằm tiến tới xoá bỏ tình trạng dạy, thêm học thêm tràn lan ngoài hệ thống quản lý của nhà trường, nghiên cứu đưa ra một số đề xuất sau:

Trước tiên chúng ta cần nâng cao nhận thức xã hội. Muốn nâng nhận thức xã hội cần rất nhiều nghiên cứu khách quan cùng nhiều cách truyền tải thông tin đến các bậc cha mẹ, đặc biệt qua các phương tiện thông tin đại chúng. Các nghiên cứu phải tiếp tục để trẻ tự nói lên được học thêm có lợi hay không. Các nhà khoa học bằng những công trình như vậy để lay chuyển nhận thức xã hội.

Thứ hai, Bộ GD&ĐT cần công khai đưa ra cơ chế đánh giá chất lượng học với tiêu chí đo lường rõ ràng, căn cứ trên lứa tuổi và nội dung giảng dạy trên lớp với mức “sàn” rõ ràng. Các phương tiện thông tin đại chúng cần nhập cuộc, đưa thông tin đến người dân, giúp các gia đình hiểu rõ quy chế, yêu cầu và chính sách của ngành giáo dục, từ đó góp phần làm giảm áp lực bắt trẻ học thêm từ phía gia đình.

Thứ ba, xem xét khả năng có cần thiết phải giảm tải chương trình giáo dục, nhất là môn Toán và Tiếng Việt trong các trường tiểu học.

Thứ tư, cần sớm đưa chủ trương trẻ em tiểu học đi học 2 buổi một ngày vào triển khai, đặc biệt ở các vùng thành thị, trong đó có chủ trương xây mới thêm các trường học, phát triển giáo trình giảng dạy cả ngày. Tuy nhiên đây sẽ là một thách thức lớn đối với Chính phủ, ngành giáo dục và cộng đồng bởi điều kiện sống khó khăn tại các vùng nông thôn và miền núi, không cho phép các hộ gia đình cho con cái “hưởng thứ hàng xa xỉ” là được đến trường cả ngày. Thêm vào đó, ngân sách đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng, đào tạo và tuyển thêm giáo viên là khá lớn.

Thứ năm, tiếp tục điều chỉnh hợp lý chế độ lương và phụ cấp cho giáo viên để giáo viên có thể yên tâm đầu tư cho chất lượng bài giảng trên lớp.

Cuối cùng, cần có biện pháp kiểm soát chặt chẽ, tiến tới xoá bỏ các lớp học thêm tự phát tại cả trường công lập và tư thục, tăng biện pháp chế tài theo hướng xử lý nặng các vi phạm hành chính đối với những giáo viên cố tình mở lớp dạy chui khi các đề xuất trên phần nào đã được đưa vào thực thi.

Việc học thêm không có tác động đáng kể đến khả năng viết và tính toán của trẻ 8 tuổi, nhưng có tác động đến khả năng đọc của trẻ cho thấy, học thêm có thể cần thiết cho những trẻ học kém, hoặc trẻ có tình trạng đặc biệt cần theo kịp bạn bè trong lớp, nhưng không nên trở thành hiện tượng học tràn lan cho toàn bộ trẻ tiểu học. Xoá bỏ tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan, sẽ góp phần làm giảm áp lực tâm lý và kinh tế cho không chỉ bản thân trẻ, mà còn cho cả cha mẹ phụ huynh học sinh. Trẻ em cần có tuổi thơ, được chơi, được gặp bạn bè, được dành thời gian tự mày mò khám phá thế giới và tự phát triển năng khiếu của mình. Hãy giúp trẻ xây dựng phương pháp tự học, phân tích vấn đề, rèn luyện khả năng tập trung tư tưởng và hình thành thói quen hoàn thành bất cứ công việc gì khi đã bắt tay vào làm. Những kỹ năng này sẽ rất có lợi, giúp trẻ phát huy trí tuệ và tiềm năng để học tốt, sống tốt và thành đạt trong tương lai. Đồng thời, các kết quả nghiên cứu cho thấy, trẻ con nhà nghèo có kết quả học tập kém là vấn đề đáng quan tâm, cần có sự can thiệp hỗ trợ và nâng cao chất lượng giảng dạy để đảm bảo tính công bằng trong giáo dục.

### Tài liệu tham khảo

- Chinh phu Vietnam (1993) Vietnam Government's Decree No. 242/ TTg about Extra Classes Provision in Public School,
- Chinh phu Vietnam (2003), National Education For All (EFA) Action PLan 2003 - 2015, Socialist Republic of Vietnam, Hanoi
- Tuan, T. (2004) Dạy thêm học thêm: Gác cơ chế, lay chuyển nhận thức? Báo Khuyến học và Dân trí, số 52, 2004 trang: Vấn đề và dư luận
- WB and ADB (2002) Development Report 2003: Vietnam Delivering on its Promise, in World Bank, Hanoi.
- World Bank (2003) Vietnam Development Report 2004, in World Bank Vietnam, Hanoi.